TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 541/2024/DS - ST
Ngày: 26 - 07 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Én

Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Thư ký Toà án nhân dân quận G.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy, Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2024, Tòa án nhân dân quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2024/TLST - DS, ngày 20/3/2024. Về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2024/QĐXXST-DS, ngày 14/6/2024, Quyết định hoãn phiên toà số 232/2024/QĐST-DS, ngày 05/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ trụ sở chính: Số C đường N, phường V, Quận B. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Đức T; chức vụ: Nhân viên công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S. Văn bản ủy quyền số 734/2024/UQ-TGĐ, lập ngày 15/01/2024.

- Bị đơn: Bà My Đặng Kiều U; địa chỉ: Số N đường Q, Phường T, quận G.

NHẬN THẤY:

1. Trong đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 06/3/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn, Ông Trần Đức T trình bày:

Ngày 14/12/2017, bà U có ký với Ngân hàng S (Sau đây viết tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà U, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà U đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 441.060.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà U

đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 43.404.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà U vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do bà U vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/10/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 26/07/2024, bà U còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 23.069.217 đồng; Lãi quá hạn: 19.163.610 đồng. Tổng cộng: 42.232.827 đồng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

- Buộc bà Mỵ Đặng Kiều U phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 26/7/2024 là 42.232.827 đồng.

- Bà Mỵ Đặng Kiều U có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trả tiền một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Bị đơn - Bà Mỵ Đặng Kiều U không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Đương sự chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà U trả nợ vay từ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng. Bà U có nơi cư trú cuối cùng tại quận G. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G.

Về người tham gia tố tụng:

Đại diện Ngân hàng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Yêu cầu của Ngân hàng phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Bị đơn - Bà My Đặng Kiều U được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ lời khai của đương sự cũng như căn cứ tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Ngày 14/12/2017, bà U có ký với Ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân. Như vậy, giữa Ngân hàng và bà U có giao dịch về tài sản thông qua Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng nêu trên.

Sau khi Tòa án ban hành thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bà U không nộp (gửi) cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình và không nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) để phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Bà U vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả nợ vay. Điều đó thể hiện, bà U còn nợ Ngân hàng số tiền tính đến ngày 26/7/2024 gồm: Nợ gốc: 23.069.217 đồng; Lãi quá hạn: 19.793.400 đồng. Tổng cộng: 42.862.617 đồng.

Ngân hàng yêu cầu bà U tiếp tục trả tiền lãi quá hạn từ ngày 27/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do bà U vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí.

Bà U phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận. Cụ thể, bà U có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 42.862.617 đồng, án phí dân sự sơ thẩm phải nộp là 5% giá trị tài sản có tranh chấp là 2.143.131 đồng.

[4] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S

1.1. Bà Mỵ Đặng Kiều U có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tính đến ngày 26/7/2024 gồm: Nợ gốc: 23.069.217 đồng; Lãi quá hạn: 19.793.400 đồng. Tổng cộng: 42.862.617 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng lập ngày 14/12/2017 giữa bà U và Ngân hàng.

1.2. Bà Mỵ Đặng Kiều U có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi quá hạn từ ngày 27/7/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng nêu trên.

Trả tiền một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 922.365 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012791, ngày 18/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận G.

- Bà Mỵ Đặng Kiều U phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.143.131 đồng.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- CCTHADS quận G;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hạnh